

Kế vị tông đồ

từ Thánh Tôma Tông đồ cho đến ngày nay

trong dòng kế vị
Đức Giám mục*
Garland F. Byers, Jr., J.D., D.D.‡
Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ

1. Thánh Tôma, Tông đồ và Tử đạo CO

được Chúa Kitô kêu gọi khoảng năm 30 sau Công nguyên
được nêu tên trong Kinh Thánh: được kể tên trong Nhóm Mười Hai (Ma-thi-ơ 10:3); "Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi!" (Giăng 20:28)

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Tôma, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Tôma đến Shimun XVIII Rubil, Giáo chủ-Thượng phụ Phương Đông, theo danh sách các giáo chủ-thượng phụ do Giáo hội Assyria Phương Đông lưu giữ: chính là danh sách mà Giáo hội Phương Đông dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Tôma Tông đồ.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ

trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

Seleucia-Ctesiphon

Giáo hội Phương Đông, Giáo hội nhận Thánh Tôma Tông đồ là đấng sáng lập, cùng với Thánh Tađêô (Addai), một trong Bảy Mươi môn đệ, được Thánh Tôma sai đến Edessa, và Thánh Mari. Các giáo chủ-thượng phụ Phương Đông, có tòa tại Seleucia-Ctesiphon và về sau tại Baghdad, từ Thánh Tađêô (Addai) cho đến Shemon VII Ishoyahb.

2. Thánh Tađêô (Addai), một trong Bảy Mươi môn đệ CO — khoảng năm 33
3. Aggai — khoảng năm 66
4. Th. Mari C — khoảng năm 81
5. Abris — khoảng năm 121
6. Abraham I — khoảng năm 159
7. Yaqob I — khoảng năm 190
8. Ahadabui — khoảng năm 204
9. Shahlufa — khoảng năm 220
10. Papa bar Aggai — khoảng năm 280
11. Th. Shemon bar Sabbae CO *Tử đạo* — 329
12. Th. Shahdost CO *Tử đạo* — 341
13. Th. Barba'shmin CO *Tử đạo* — 343
14. Tomarsa — 363
15. Qayyoma — 377
16. Isaac — 399
17. Ahha — 410
18. Yahballaha I — 415
19. Maana — 420
20. Farbokht — 421
21. Dadisho — 421
22. Babowai — 457
23. Acacius — 485
24. Babai — 497
25. Shila — 503
26. Elisha — 524
27. Paul — 539
28. Aba I — 540
29. Joseph — 552
30. Ezekiel — 570
31. Ishoyahb I — 582
32. Sabrisho I — 596
33. Gregory — 605
34. Ishoyahb II — 628
35. Maremmeh — 646

36. Ishoyahb III 649
37. Giwargis I 661
38. Yohannan I 680
39. Hnanisho I 686
40. Sliba-zkha 714
41. Pethion 731
42. Aba II 741
43. Yaqob II 754
44. Hnanisho II 775
45. Timothy I 780
46. Isho bar Nun 823
47. Giwargis II 828
48. Sabrisho II 831
49. Abraham II 837
50. Theodosius 853
51. Sargis 860
52. Enosh 877
53. Yohannan II 884
54. Yohannan III 893
55. Yohannan IV 900
56. Abraham III 906
57. Emmanuel I 937
58. Israel 961
59. Abdisho I 963
60. Mari II 987
61. Yohannan V 1000
62. Yohannan VI 1012
63. Ishoyahb IV 1020
64. Eliya I 1028
65. Yohannan VII 1049
66. Sabrisho III 1064
67. Abdisho II 1074
68. Makkikha I 1092
69. Eliya II 1111
70. Bar Sawma 1134
71. Abdisho III 1139
72. Ishoyahb V 1149
73. Eliya III 1176
74. Yahballaha II 1190
75. Sabrisho IV 1222
76. Sabrisho V 1226
77. Makkikha II 1257
78. Denha I 1265
79. Yahballaha III 1281
80. Timothy II 1318
81. Denha II 1336
82. Shemon II khoảng năm 1385
83. Eliya IV khoảng năm 1405
84. Shemon III khoảng năm 1425
85. Shemon IV khoảng năm 1437
86. Shemon V 1497
87. Eliya V 1502
88. Shemon VI 1504
89. Shemon VII Ishoyahb 1539

Dòng kế vị Shimun

Từ năm 1553, các giáo chủ-thượng phụ thuộc dòng Shimun, những vị mà Giáo hội Phương Đông coi là những người kế vị Thánh Addai và Thánh Mari, đến Shimun XVIII Rubil.

90. Shimun VIII Yohannan Sulaqa 1553
91. Abdisho IV Maron 1555
92. Yahballaha IV 1577
93. Shimun IX Dinkha 1580
94. Shimun X Eliya 1600
95. Shimun XI Eshuyow 1638
96. Shimun XII Yoalaha 1656
97. Shimun XIII Dinkha 1662
98. Shimun XIV Shlemon 1700

99. Shimun XV Maqdassi Mikhail 1740
100. Shimun XVI Yohannan 1780
101. Shimun XVII Abraham 1820
102. Shimun XVIII Rubil 1861

Ấn Độ

Từ Mar Abdisho, được Thượng phụ Shimun XVIII tấn phong làm Tổng giám mục đô thành Ấn Độ năm 1862, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình.

103. Anthony Thondanatt (Mar Abdisho) ... 1862
104. Luis Mariano Soares (Mar Basilius) 1899

Anh

Từ Mar Jacobus, được tấn phong năm 1902 làm Giám mục Mercia, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình.

105. Ulric Vernon Herford (Mar Jacobus) ... 1902
106. William Stanley McBean Knight (Mar Paulus) ... 1925
107. Hedley Coward Bartlett 1931
108. Hugh George de Willmott Newman (Mar Georgius) ... 1945
109. Richard Kenneth Hurgon 1946

Thụy Điển và Hoa Kỳ

Từ Bertil Persson, người Thụy Điển, cho đến vị giám mục đã mang dòng kế vị này đến ngày nay.

110. Nils Bertil Alexander Persson 1985
111. Samuel Guido, Jr. 2004

112.

Garland F. Byers, Jr.

2013

Dòng kế vị chung với Giáo chủ-Thượng phụ Phương Đông

Giáo chủ-Thượng phụ của Giáo hội Assyria Phương Đông hiện nay, Mar Awa III, và Đức Giám mục Byers cùng chung dòng kế vị các giáo chủ-thượng phụ Phương Đông, theo danh sách mà Giáo hội ấy lưu giữ, từ Thánh Tôma Tông đồ và Thánh Tađêô (Addai) cho đến Mar Shimun XVIII Rubil (Giáo chủ-Thượng phụ 1861–1903), vị đã tấn phong Mar Abdisho (Anthony Thondanatt) năm 1862, trong dòng kế vị của Đức Giám mục Byers.

Bí tích Truyền Chức Thánh

Lễ phong chức

Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Phục vụ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận

Tấn phong giám mục

Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong

Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong

Giám mục Bradley A. Varvil

Giám mục Michael Byus

Giám mục James Thompson

Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang Về Đức Giám mục.

Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (...) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn "Aáy" thành "Ấy", "k"" thành "kỳ"); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Ảnh thánh Thánh Tôma Tông đồ, thế kỷ XIV; bản gốc hiện ở Bảo tàng Giáo hội của Tòa Tổng giáo phận Thánh Thessaloniki. Ảnh chụp của Herbert Frank, lấy từ Wikimedia Commons, theo giấy phép CC BY 2.0; đã cắt xén và đổi kích thước so với bản gốc.